TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23 /**2021/DS-PT
Ngày 27/8/2021
V/v *"Tranh chấp hợp đồng ủy quyền"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Ngọc Hà

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Nam

Ông Ma Ngọc Trung.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Hồng Phong - Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 25, 26, 27 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 13/2021/TLDS-PT ngày 14 tháng 7 năm 2021 về việc "*Tranh chấp liên quan đến hợp đồng ủy quyền*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 50/2021/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXPT-DS ngày 26 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Kiều Xuân Đ**, sinh năm 1943.

Địa chỉ: Tổ 06, thị trấn VQ, huyện BQ, tỉnh Hà Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Hà Quang Tr, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn Tháng 10, xã YL, huyện HY, tỉnh Tuyên Quang. *(Có mặt tại phiên tòa).*

2. Bị đơn: **Ông Nguyễn Trung L**, sinh năm 1958.

Nơi ĐKHKTT: L Ph, Ng H, Th Tr, Hà Nội

Nơi ở: Số nhà 85, tổ 12, phường PT, thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang. *(Có mặt tại phiên tòa).*

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Công ty TNHH S.H; người đại diện theo pháp luật: Ông Kiều Xuân Đ; chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: Thị trấn VQ, huyện BQ, tỉnh Hà Giang.

- Bà Vũ Thị Nh, sinh năm 1956; địa chỉ: Tổ 06, thị trấn VQ, huyện BQ, tỉnh Hà Giang.

- Ông Kiều Xuân Th, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 06, thị trấn VQ, huyện BQ, tỉnh Hà Giang.

- Ông Kiều Xuân T, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 06, thị trấn VQ, huyện BQ, tỉnh Hà Giang. *(Ông Đ, bà Nh, ông Th, ông T đều vắng mặt tại phiên tòa)*.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Hà Quang Tr, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn Tháng 10, xã YL, huyện HY, tỉnh Tuyên Quang. *(Có mặt tại phiên tòa).*

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Kiều Xuân Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Nh, ông Kiều Xuân Th, ông Kiều Xuân T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn và ý kiến tại phiên hòa giải của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, trình bày như sau: Xuất phát từ việc hoạt động kinh doanh của Công ty và cần một khoản vốn để hoạt động. Do vậy quá trình kinh doanh Công ty TNHH S.H có vay tiền của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện BQ (Agribank chi nhánh huyện BQ) và có thế chấp quyền sử dụng đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 734233 do UBND huyện BQ, tỉnh Hà Giang cấp ngày 22/8/2000 và tài sản gắn liền trên đất của gia đình ông Kiều Xuân Đ và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất gia đình con trai ông Đ là Kiều Xuân T để kinh doanh, cụ thể: Năm 2016 công ty còn nợ của ngân hàng số tiền gốc là 250.000 đồng, tiền lãi 4.992.011.300 đồng. Do Công ty làm ăn gặp khó khăn nên chưa có tiền để trả cho ngân hàng đúng hạn được nên Ngân hàng nhiều lần mời và thông báo yêu cầu ông Đ phải thanh toán cho Ngân hàng, nếu không Ngân hàng sẽ thu giữ tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất để phát mại.

Trước nguy cơ gia đình ông Đ có thể bị Ngân hàng niêm phong và phát mại dẫn đến việc gia đình không có nhà để ở. Thông qua người giới thiệu ông có đến gặp ông Nguyễn Trung L đặt vấn đề yêu cầu ông L giúp đỡ. Sau khi đặt vấn đề ông L yêu cầu ông Đ cho xem toàn bộ các giấy tờ mà ngân hàng thông báo và mời ông lên làm việc. Sau khi ông xem xong giấy tờ ông L nhận lời giúp đỡ gia đình ông. Về phần thù lao ông L không yêu cầu mà chỉ nói nếu được việc thì tùy gia đình cho ông L bao nhiêu là tùy gia đình. Hai bên đồng ý nên khi nhận được Thông báo số 215/TB-THTS ngày 10/6/2016 của Agribank chi nhánh huyện BQ về việc thu giữ tài sản bảo đảm của gia đình ông Đ. Ngày 20/6/2016, ông Kiều Xuân Đ cùng vợ là Vũ Thị Nh và con trai Kiều Xuân T (Bên ủy quyền) đề nghị Văn phòng công chứng M.L, thành phố TQ lập giấy ủy quyền, ủy quyền cho ông Nguyễn Trung L và anh Kiều Xuân Th (Bên nhận ủy quyền) được toàn quyền thay mặt cho bên ủy quyền làm việc với Agribank chi nhánh huyện BQ và cơ quan Công an liên quan đến hợp đồng thế chấp bảo lãnh tài sản tại Ngân hàng theo thông báo số 215/TB-THTS ngày 10/6/2016 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện BQ. Việc ủy quyền hai bên tự nguyện thỏa thuận về nội dung ủy quyền và thống nhất việc ủy quyền không có

thù lao hay bồi thường. Theo thông báo 215/TB-THTS về việc thu giữ tài sản bảo đảm Ngân hàng thông báo cho ông Kiều Xuân Đ yêu cầu ông Đ bàn giao tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông để Agribank chi nhánh huyện BQ tiến hành xử lý tài sản để thu hồi nợ vào 09 giờ 00 phút ngày 21/6/2016 tại địa điểm nơi có tài sản thế chấp. Tuy nhiên vào ngày 21/6/2016, ông L không có mặt theo thông báo số 215/TB-THTS nên Agribank chi nhánh huyện BQ đã lập biên bản về việc không thu giữ được tài sản thế chấp.

Ngày 27/10/2016, theo yêu cầu của ông L, ông Đ giao cho ông L số tiền 220.000.000 đồng tại nhà ông L. Khi nhận tiền ông L viết giấy nhận tiền có nội dung: *".. Tôi Nguyễn Trung L ...có nhận của ông Kiều Xuân Đ số tiền là hai trăm hai mươi triệu Việt Nam đồng. Đây là số tiền thù lao cho riêng tôi để tôi thực hiện đúng và đầy đủ nội dung uỷ quyền ngày 20/6/2016. Nếu tôi không hoàn thành công việc theo nội dung uỷ quyền tôi cam kết sẽ trả lại ông Đ 80% số tiền đã nhận*". Như vậy ông L không T hiện công việc uỷ quyền của gia đình ông Đ nhưng lại nhận số tiền trên, mặc dù việc uỷ quyền hai bên cam kết không có thù lao hay bồi thường gì.

Ngày 18/5/2017, Agribank chi nhánh huyện BQ có Giấy mời làm việc số 175/GM-NHNo gửi ông Kiều Xuân Đ, giám đốc Công ty TNHH S.H. Nội dung giấy mời số 175/GM-NHNo mời ông Đ đến Agribank chi nhánh huyện BQ *"Tiếp tục làm việc thống nhất giải pháp xử lý nợ quá hạn, tồn đọng của Cty TNHH S.H tại Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam- Chi nhánh huyện BQ vào hồi 14h00 chiều 23/5/2017".* Tại buổi làm việc ngày 23/5/2017 ông Đ và ông L đều có mặt, ông L là người được ủy quyền của ông Đ không nhất trí với nội dung làm việc của Ngân hàng nên không ký vào biên bản làm việc.

Đến ngày 01/8/2016 ông L yêu cầu ông Đ ủy quyền cho ông để ông tiếp tục làm việc với Ngân hàng và Tòa án. Việc ủy quyền được lập tại Văn phòng Công chứng M.L, thành phố TQ. Khi lập giấy ủy quyền ông L nêu nội dung ủy quyền để Văn phòng công chứng lập. Như vậy, cùng ngày 01/8/2017 lập 02 giấy ủy quyền, một giấy ủy quyền để ông L làm việc với Agribank chi nhánh huyện BQ theo giấy mời làm việc số 175/GM-NHNo ngày 18/5/2017 của Agribank chi nhánh huyện BQ với nội dung trong "bảng kê tổng hợp tạm tính lãi" đến ngày 31/10/2016 của Công ty TNHH S.H, một giấy ủy quyền để ông L thực hiện khởi kiện quyền dân sự tại Tòa án nhân dân huyện BQ, tỉnh Hà Giang. Theo hai giấy ủy quyền này đều ghi việc ủy quyền không có thù lao hay bồi thường. Sau khi lập giấy ủy quyền tại phòng công chứng ông có về nhà ông L giao cho ông L số tiền 150.000.000 đồng. Khi nhận tiền ông L viết giấy biên nhận có nội dung: *"Hôm nay, tôi Nguyễn Trung L ...có nhận của ông Kiều Xuân Đ số tiền một trăm năm mươi triệu Việt Nam đồng. Đây là số tiền thù lao cho riêng tôi để tôi thực hiện đúng và đầy đủ nội dung uỷ quyền ngày 01/8/2017. Nếu tôi không hoàn thành công việc theo nội dung uỷ quyền tôi cam kết sẽ trả lại ông Đ 80% số tiền đã nhận*". Đến ngày 07/02/2018 ông L nhận tiếp của ông Đ số tiền 150.000.000 đồng. Khi nhận tiền ông L viết nội dung nhận tiền vào giấy nhận tiền ngày 01/8/2017 nội dung viết *"Hôm nay ngày 07/2/2018, tôi Nguyễn Trung L ...có nhận của ông Kiều Xuân Đ số tiền một trăm năm mươi triệu Việt Nam đồng. Đây là số tiền thù lao cho riêng tôi để tôi thực hiện đúng và đầy đủ nội dung uỷ quyền ngày 01/8/2017. Nếu tôi không hoàn thành*

công việc theo nội dung uỷ quyền tôi cam kết sẽ trả lại ông Đ 80% số tiền đã nhận". Lý do ông Đ đưa tiền cho ông Đ vào ngày 01/8/2017 và ngày 07/02/2018 là ông Đ yêu cầu đưa để ông L lo làm việc với Ngân hàng để Ngân hàng cho công ty của ông Đ được trả hết số tiền gốc là 250.000 đồng, được miễn toàn bộ số tiền lãi cho Công ty TNHH S.H là 4.992.011.300 đồng và Ngân hàng trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà gia đình ông đã thế chấp tại Ngân hàng để vay tiền.

Như vậy mặc dù ông L đã có mặt làm việc với Chi nhánh Ngân hàng huyện BQ ngày 23/5/2017 nhưng ông L vẫn yêu cầu lập giấy ủy quyền làm việc với Ngân hàng theo giấy mời số 175/GM-NHNo của Chi nhánh ngân hàng và khởi kiện tại Tòa án để ông L có cớ lấy thêm số tiền 300.000.000 đồng của ông Đ.

Tổng số tiền ông Đ đưa cho ông L 520.000.000 đồng vào các ngày 27/10/2016, 01/8/2017 và 07/02/2018 để thực hiện công việc theo các giấy ủy quyền ngày 20/6/2016 và 01/8/2018, ông L nói đây là tiền thù lao ông Đ trả cho ông là không đúng, vì tại các giấy uỷ quyền đều thể hiện: *Việc uỷ quyền này không có thù lao hay bồi thường.* Ông L không T hiện các nội dung ủy quyền, lợi dụng các giấy ủy quyền để lừa lấy tiền của ông Đ.

Do vậy ông Đ làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông L phải trả cho ông 520.000.000 đồng và buộc ông L trả lãi suất số tiền trên theo lãi suất cho vay của ngân hàng (12%) là 200.043.333 đồng. Tổng cộng số tiền phải trả là 720.043.333 đồng và tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Kiều Xuân Đ xác nhận ông Nguyễn Trung L có cùng ông tham gia 04 hoặc 05 lần làm việc tại Agribank chi nhánh huyện BQ về nội dung giải quyết hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất đối với khoản vay của Công ty TNHH S.H tại Ngân hàng. Ông L làm đơn và nộp hồ sơ xin miễn lãi tại Ngân hàng vào năm 2016. Năm 2017 đến năm 2018 ông L có làm đơn và nộp hồ sơ khởi kiện cho Công ty TNHH S.H tại Tòa án nhân dân huyện BQ về tranh chấp khoản vay tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện BQ. Quá trình giải quyết vụ án hai bên đã thống nhất thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án nên ngày 21/02/2018 Tòa án nhân dân huyện BQ, tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định công nhận thỏa thuận giữa các đương sự. Quá trình làm việc tại Tòa án nhân dân huyện BQ ông L có cùng ông tham gia tố tụng. Đồng thời, ông cũng xác nhận các giấy ủy quyền được lập tại Phòng công chứng M.L từ năm 2016 đến năm 2018 giữa Công ty TNHH S.H và ông Nguyễn Trung L đều là do ông ký trong tình trạng có khả năng nhận thức và sức khỏe bình thường, ông Đ tự nguyện ký vào các văn bản ủy quyền. Việc ông giao tổng số tiền 520.000.000 đồng cho ông L, giao làm 03 lần là do ông tự nguyện. Số tiền này là của cá nhân ông, không phải tiền của Công ty TNHH S.H, khi giao tiền ông và ông L đều có thỏa thuận riêng bằng miệng với nhau về nội dung giao tiền, không thể hiện bằng văn bản, là những nội dung thỏa thuận và trao đổi ngoài hợp đồng ủy quyền giữa ông và ông L. Mỗi lần giao tiền ông L đều viết giấy biên nhận tiền và ông ký ghi rõ họ tên vào giấy biên nhận mà ông L viết để cả hai bên xác nhận nội dung.

Tại bản trình bày ý kiến, các phiên hòa giải và tranh tụng tại phiên toà bị đơn ông Nguyễn Trung L trình bày: Thông qua sự giới thiệu của người quen, ông Kiều Xuân Đ là giám đốc Công ty TNHH S.H ở B.Q, tỉnh Hà Giang có tìm đến

ông để nhờ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty, vì trong thời gian kinh doanh Công ty khi đã vay tiền và còn nợ tiền gốc và tiền lãi của Agribank chi nhánh B.Q. Sau khi xem hồ sơ vay vốn của Công ty, ông nhận lời và hai bên có lập Giấy uỷ quyền tại Văn phòng Công chứng M.L, Tuyên Quang. Các giấy ủy quyền ký kết giữa ông và Công ty TNHH S.H, đại diện là ông Kiều Xuân Đ đều là ủy quyền không có thù lao, có giấy ủy quyền Công ty ủy quyền cho một mình ông, có giấy ủy quyền ông Đ và vợ con ông Đ ủy quyền cho ông và con ông Đ. Mỗi hợp đồng ủy quyền đều được lập trên cơ sở tự nguyện giữa hai bên, có sự thống nhất và cùng tự nguyện giao kết tại Phòng công chứng, không trái pháp luật. Việc ủy quyền tuy có nêu cụ thể những văn bản của Ngân hàng nhưng nội dung ủy quyền là ủy quyền theo quá trình giải quyết vụ việc chứ không phải ủy quyền để thực hiện công việc cụ thể. Quá trình thực hiện ông tư vấn miễn phí cho ông Đ để ông Đ tự mình giải quyết việc vay vốn với Ngân hàng. Nhưng do không đạt được thỏa thuận như mong muốn nên ông Đ nhờ ông trực tiếp làm việc với Ngân hàng cũng như soạn thảo các văn bản để gửi cho Ngân hàng trong quá trình giải quyết. Việc này ông và ông Đ có thỏa thuận ngoài với nhau, không có văn bản và là thỏa thuận giữa ông và ông Đ, ông Đ cũng tự nguyện về việc trả thù lao cho riêng ông trong quá trình ông T hiện các nội dung như đã thỏa thuận. Nội dung làm việc với Ngân hàng hoặc tham gia tố tụng tại Tòa án thì theo giấy ủy quyền lập tại Phòng công chứng, nhưng về thù lao thì theo thỏa thuận ngoài giữa ông và ông Đ, ông không nhận tiền của ông Đ để đi chi trả cho bất cứ ai hay bất cứ cơ quan nào. Toàn bộ số tiền ông nhận của ông Đ 520.000.000 đồng là tiền thù lao ông Đ tự nguyện trả cho ông, trả làm 03 lần, mỗi lần trả là trả cho một nội dung ông T hiện việc ủy quyền. Lần thứ nhất ông Đ trả cho ông số tiền 220.000.000 đồng là trả tại nhà ông ở phường PT, thành phố TQ có cả con trai ông Đ đi cùng, là thù lao cho việc ông làm việc với Ngân hàng, soạn thảo các văn bản kiến nghị như tài liệu chứng cứ ông đã nộp để chứng minh; lần thứ hai ông Đ đưa cho ông 150.000.000 đồng tại nhà ông cũng có mặt cả con trai ông Đ; lần 03 ông Đ đưa cho ông 150.000.000 đồng tại nhà ông Đ ở Hà Giang, có vợ ông Đ ở nhà. Số tiền 300.000.000 đồng của 02 lần ông Đ đưa sau là để ông T hiện các công việc theo tố tụng khi khởi kiện tại Tòa án. Tiền thù lao ông Đ trả cho riêng ông đều có những thỏa thuận riêng giữa ông và ông Đ, việc thỏa thuận hai bên tự nguyện, ông Đ đưa tiền cho ông không ép buộc hay đe dọa gì. Mỗi lần đưa đều có viết giấy biên nhận cho nhau, vì là thực hiện nội dung công việc trong cả quá trình giải quyết nên trong các giấy biên nhận hai bên thống nhất là viết như vậy. Do đó, ông xác định việc ông Đ trả thù lao cho ông là thỏa thuận giữa hai bên và ông Đ tự nguyện, thỏa thuận có liên quan đến các hợp đồng ủy quyền nhưng là thỏa thuận ngoài hợp đồng ủy quyền, không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Ông không lừa dối, ép buộc ông Đ, ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Đ, tài liệu chứng cứ về những việc ông đã thực hiện tại Ngân hàng và Tòa án huyện BQ ông đều đã nộp cho Tòa án nhân dân thành phố TQ để chứng minh về những việc ông đã tư vấn và làm thay cho ông Đ về nội dung tranh chấp giữa

Công ty TNHH S.H và Ngân hàng. Ông đề nghị Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Vũ Thị Nh, ông Kiều Xuân Th và ông Kiều Xuân T đều thể hiện ý kiến thống nhất với ý kiến mà ông Kiều Xuân Đ cũng như ông Hà Quang Tr đã trình bày và cho rằng số tiền 520.000.000 đồng ông Đ đưa cho ông L là tiền của cả gia đình ông bà và các con và nhất trí với yêu cầu khởi kiện về việc đòi lại số tiền 520.000.000 đồng mà ông Đ đã yêu cầu đối với ông L. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều ủy quyền cho ông Hà Quang Tr.

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ liên quan đến quá trình thực hiện hợp đồng ủy quyền và các tài liệu có liên quan đến yêu cầu và ý kiến của các đương sự.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng không thành, đã quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 50/2021/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Kiều Xuân Đ, về việc yêu cầu ông Nguyễn Trung L hoàn trả khoản tiền 520.000.000đ *(Năm trăm hai mươi triệu đồng)* và tiền lãi phát sinh.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự và tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/4/2021 Tòa án nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Kiều Xuân Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Nh, ông Kiều Xuân Th, ông Kiều Xuân T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 50/2021/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang. Nội dung bản án của Tòa án nhân dân thành phố TQ đã xét xử không đúng với thực tế sự việc xảy ra và không đúng quy định của pháp luật, có sự vi phạm vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố dụng dân sự 2015. Xét xử không đúng trọng tâm phạm vi khởi kiện và không tuân thủ quy định về hợp đồng ủy quyền, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các ông bà. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm Hủy bản án sơ thẩm số 50/2021/DS-ST, ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố TQ. Chấp nhận đơn kháng cáo buộc ông Nguyễn Trung L phải trả lại số tiền 520.000.000 đồng và trả tiền lãi suất 1%/ tháng theo đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Quang Tr giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xin rút một phần kháng cáo về nội dung đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Ông chỉ đề nghị tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của

nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc ông Nguyễn Trung L phải trả cho ông Kiều Xuân Đ số tiền 520.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi xét xử xong vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Trung L không có ý kiến gì về việc người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan rút một phần yêu cầu kháng cáo. Ông L giữ nguyên các nội dung đã trình bày tại cấp sơ thẩm và có bổ sung nội dung. Sau khi nhận ủy quyền của ông Đ, bà Nh, anh T ủy quyền cho ông làm việc với Agribank chi nhánh huyện BQ và cơ quan Công an liên quan đến hợp đồng thế chấp bảo lãnh tài sản tại Ngân hàng theo thông báo số 215/TB-THTS ngày 10/6/2016 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện BQ, thực tế ông không đến làm việc theo thông báo 215/TB-THTS của Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam chi nhánh huyện BQ vì ông cho rằng thông báo này của Ngân hàng là trái pháp luật, ông đã thông báo cho gia đình ông Đ biết về việc này và gia đình ông Đ cũng đồng ý, vì thế đến ngày 27/10/2016 ông Đ mới giao số tiền 220.000.000 đồng cho ông để ông T hiện quyền khiếu nại đối với Agribank Chi nhánh B.Q, việc giao tiền này của ông Đ là hoàn toàn tự nguyện được ông Đ thừa nhận, sau khi nhận tiền của ông Đ ngày 31/10/2016 ông đã có đơn khiếu nại hành vi hành chính gửi giám đốc Agribank Chi nhánh huyện BQ mang tên ông Đ, bà Nh và anh T và yêu cầu Giám đốc phải thụ lý giải quyết đơn khiếu nại theo quy định. Yêu cầu Ngân hàng cho Công ty TNHH S.H trả tiền gốc còn nợ. Đến ngày 22/11/2016 Agribank Chi nhánh huyện BQ đã có văn bản số 382/NHNo-BC trả lời khiếu nại gửi ông Kiều Xuân Đ, bà Vũ Thị Nh, anh Kiều Xuân T bên thế chấp, bảo đảm tài sản và anh Kiều Xuân Th và ông là người được ủy quyền, nội dung trả lời không nhất trí với các nội dung khiếu nại trong đơn khiếu nại ngày 31/10/2016. Như vậy là ông đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung theo ủy quyền và thỏa thuận giữa ông và ông Đ do vậy ông Đ hưởng số tiền thù lao như cam kết trong giấy nhận tiền ngày 27/10/2016.

Do Agribank Chi nhánh huyện BQ không nhất trí theo yêu cầu của gia đình ông Đ nên ông đã tư vấn với ông Đ thực hiện quyền khởi kiện dân sự tại Tòa án đối với Ngân hàng nên ngày 01/8/2017 ông Đ tiếp tục ủy quyền cho ông để ông T hiện quyền khởi kiện dân sự tại Tòa án. Mặc dù khi lập giấy ủy quyền tại Văn phòng Công chứng M.L hai bên có thỏa thuận "*Việc ủy quyền không có thù lao"*. Tuy nhiên, ngay sau khi nhận ủy quyền ông Đ và ông đã thống nhất thỏa thuận miệng về việc ủy quyền có thù lao với tổng số tiền 300.000.000 đồng để ông T hiện nội dung ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 01/8/2017, ông L đưa trước cho ông số tiền 150.000.000 đồng được thể hiện tại giấy nhận tiền ngày 01/8/2017. Thực tế sau khi nhận tiền của ông Đ ngày 17/8/2017 ông đã viết đơn khởi kiện vụ án dân sự khởi kiện với Ngân hàng để ông Đ ký đơn và nộp tại TAND huyện BQ, tỉnh Hà Giang. Đơn đã được thụ lý giải quyết theo quy định. Trong quá trình Tòa án đang giải quyết vụ án, ngày 07/02/2018 ông Đ tiếp tục giao cho ông số tiền 150.000.000 đồng tại nhà ông L, khi nhận tiền ông vẫn viết tiếp nội dung nhận tiền vào giấy nhận tiền ngày 01/8/2017. Ngày 21/02/2018 TAND huyện BQ đã ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2018/QĐST- KDTM. Theo quyết định này thì Công ty TNHH S.H có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 250.000 đồng và tiền nợ lãi là 1.580.969.678 đồng, được giảm số

tiền lãi là 2.929.490.413 đồng. Như vậy ông đã hoàn thành các nội dung ủy quyền theo giấy ủy quyền lập ngày 01/8/2017 nên ông Đ hưởng toàn bộ số tiền thù lao ông Đ đã giao cho ông.

Ý kiến phát biểu quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Kiều Xuân Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Nh, ông Kiều Xuân Th, ông Kiều Xuân T hợp lệ, trong hạn luật định. Nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 3 Điều 289; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 562; 563, 565, 566, 567, 568 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Kiều Xuân Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Nh, ông Kiều Xuân Th, ông Kiều Xuân T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 50/2021/DS-ST, ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang. Các đương sự phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục kháng cáo:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Kiều Xuân Đ và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Nh, ông Kiều Xuân Th, ông Kiều Xuân T làm đúng theo quy định tại Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà Quang Tr xin rút một phần kháng cáo về nội dung đề nghị hủy bản án sơ thẩm số 50/2021/DSST của Tòa án nhân dân thành phố TQ. Xét thấy việc rút đơn là đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo này.

[2.2] Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn buộc ông L phải trả cho ông Đ 520.000.000 đồng và buộc ông L trả tiền lãi của số tiền trên theo lãi suất cho vay của ngân hàng (1%/tháng) đến ngày xét xử xong theo quy định.

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Kiều Xuân Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Nh, ông Kiều Xuân Th, ông Kiều Xuân T, Hội đồng xét xử thấy:

Từ năm 2016 đến năm 2018, Công ty TNHH S.H, đại diện theo pháp luật là ông Đ ký nhiều giấy ủy quyền cho ông L, đồng thời ông L cùng vợ là bà Vũ Thị Nh và con trai ông Đ bà Nh là anh Kiều Xuân T cũng có ủy quyền cho ông L thay mặt làm việc với Ngân hàng liên quan đến các hợp đồng tín dụng, thế chấp giữa Công ty S.H và Ngân hàng Nông nghiệp &PTNT Việt Nam - Chi nhánh huyện BQ, cụ thể giấy ủy quyền ngày 20/6/2016 (bên ủy quyền là ông Đ, bà Nh, anh T, bên nhận ủy quyền là ông L, anh Th) nội dung ủy quyền *" ...Bằng giấy này bên A đồng ý ủy quyền cho bên B toàn quyền thay mặt chúng tôi làm việc với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- chi nhánh huyện BQ và cơ quan Công an liên quan đến hợp đồng thế chấp bảo lãnh tài sản tại Ngân hàng theo thông báo số 215/TB-THTS ngày 10/6/2016 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện BQ...*"; giấy ủy quyền ngày 14/11/2016 (bên ủy quyền là ông Đ - Giám đốc Công ty S.H, bên nhận ủy quyền là ông L), nội dung ủy quyền *"Tôi Kiều Xuân Đ, bằng giấy ủy quyền này tôi đồng ý ủy quyền cho ông Nguyễn Trung L cùng tôi làm việc tại Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện BQ. Cùng tôi thực hiện quyền và nghĩa vụ, giải quyết các vấn đề liên quan đều là ý kiến và ý chí của tôi…"*; giấy ủy quyền ngày 10/3/2017 (bên ủy quyền là Công ty S.H, đại diện là ông Đ, bên nhận ủy quyền là ông L), nội dung ủy quyền*"...Bằng giấy này bên A đồng ý ủy quyền cho bên B toàn quyền thay mặt chúng tôi làm việc với Ngân hàng Nông ngiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện BQ và cơ quan Công an liên quan đến hợp đồng thế chấp bảo lãnh tài sản tại Ngân hàng theo thông báo số 215/TB-THTS ngày 10/6/2016 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện BQ...*"*;* giấy ủy quyền ngày 01/8/2017 (bên ủy quyền là Công ty S.H, đại diện là ông Đ, bên nhận ủy quyền là ông L), nội dung ủy quyền "*…Tôi Kiều Xuân Đ, bằng giấy ủy quyền này tôi đồng ý ủy quyền cho ông Nguyễn Trung L làm việc với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện BQ theo giấy mời số 175/GM-NHNo ngày 18/5/2017 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện BQ với nội dung trong bảng kê tổng hợp tạm tính lãi đến ngày 31/10/2016 của Công ty TNHH S.H, địa chỉ thị trấn VQ, huyện BQ, tỉnh Hà Giang* ..." và giấy ủy quyền ngày 01/8/2017 (bên ủy quyền là Công ty S.H, đại diện là ông Đ, bên nhận ủy quyền là ông L, nội dung ủy quyền "*…Tôi Kiều Xuân Đ, bằng giấy ủy quyền này tôi đồng ý ủy quyền cho ông Nguyễn Trung L khởi kiện quyền dân sự tại Tòa án nhân dân huyện BQ, tỉnh Hà Giang đối với Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện BQ, tỉnh Hà Giang…".*

Mặc dù các giấy ủy quyền được lập và công chứng tại Văn phòng công chứng (VPCC) M.L, thành phố TQ đều ghi giấy ủy quyền song nội dung của các giấy ủy quyền này đều thể hiện đầy đủ các nội dung của Hợp đồng ủy quyền theo quy định tại Điều 563, 565, 567, 568 BLDS 2015, các bên đương sự đều thừa nhận khi công chứng giấy ủy quyền tại VPCC M.L, thành phố TQ bên ủy quyền và bên nhận ủy quyền thống nhất thỏa thuận trên cơ sơ hoàn toàn tự nguyện. Các nội dung ghi trong các giấy ủy quyền là ý chí của các bên, nội dung đúng như nội dung các bên đã thỏa thuận, hai bên không tranh chấp do đó các giấy ủy quyền này hợp pháp có hiệu lực như Hợp đồng ủy quyền.

Theo quy định tại Điều 562 Bộ luật Dân sự *"Hợp đồng ủy quyền là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện công việc nhân danh bên ủy quyền, bên ủy quyền chỉ phải trả thù lao nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định."*. Trong các giấy ủy quyền đều ghi "*Việc ủy quyền này không có thù lao hay bồi thường"*. Tuy nhiên, ông Kiều Xuân Đ và ông Nguyễn Trung L đều thừa nhận ông Đ đã 03 lần giao tiền cho ông L với tổng số tiền 520.000.000 đồng thể hiện tại các giấy giao tiền cụ thể: Giấy biên nhận đề ngày 27/10/2016 nội dung: "*Tôi Nguyễn Trung L có nhận của ông Đ 220 triệu. Đây là tiền thù lao cho riêng tôi để thực hiện đúng và đầy đủ nội dung giấy ủy quyền lập ngày 20/6/2016 tại VPCC M.L. Nếu tôi không hoàn thành công việc theo nội dung giấy ủy quyền tôi cam kết trả lại ông Đ 80% số tiền hôm nay tôi đã nhận"*; Giấy biên nhận ngày 01/8/2017, nội dung: "*Tôi Nguyễn Trung L có nhận của ông Đ số tiền 150 triệu là tiền thù lao cho riêng tôi để thực hiện nội dung giấy ủy quyền lập ngày 01/8/2017 tại VPCC M.L. Nếu tôi không T hiện đúng, đầy đủ nội dung giấy ủy quyền trên tôi cam kết trả lại ông Đ 80% số tiền hôm nay đã nhận"*; Ghi tiếp vào giấy biên nhận ngày 01/8/2017 nội dung ghi: "*Hôm nay ngày 07/2/2018, tôi Nguyễn Trung L có nhận của ông Đ số tiền là 150 triệu. Đây là số tiền thù lao cho riêng tôi để tôi thực hiện nội dung giấy ủy quyền lập ngày 01/8/2017 tại VPCC M.L. Nếu tôi không T hiện đúng, đầy đủ nội dung giấy ủy quyền trên tôi cam kết trả lại ông Đ 80% số tiền hôm nay đã nhận"*. Các giấy biên nhận đều có người nhận tiền ký và viết tên Nguyễn Trung L, người giao tiền ký và viết tên Kiều Xuân Đ và ghi rõ nội dung thỏa thuận giữa hai bên về việc thỏa thuận số tiền thù lao để ông L thực hiện các nội dung ủy quyền trong giấy ủy quyền đã ký giữa hai bên. Việc giao tiền đều thực hiện sau khi hai bên đã ký giấy ủy quyền tại Văn phòng công chứng, khi thỏa thuận các bên hoàn toàn tự nguyện, số tiền ông Đ giao cho ông L là của riêng cá nhân ông Đ không liên quan đến những người khác. Do đó có căn cứ xác định đây là các thỏa thuận về thù lao giữa ông Đ và ông L thay thế cho nội dung thỏa thuận về thù lao giữa ông Đ và ông L tại giấy ủy quyền đã lập trước đó. Ông Đ khởi kiện yêu cầu ông L trả lại số tiền đã nhận theo nội dung ủy quyền do đó cần xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*Tranh chấp hợp đồng ủy quyền"*. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp liên quan đến hợp đồng ủy quyền" là chưa chính xác.

Về yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả lại số tiền 520.000.000 đồng bị đơn đã đưa cho nguyên đơn để thực hiện theo các giấy ủy quyền, Hội đồng xét xử thấy:

Tại Giấy biên nhận đề ngày 27/10/2016 nội dung: "*Tôi Nguyễn Trung L có nhận của ông Đ 220 triệu. Đây là tiền thù lao cho riêng tôi để thực hiện đúng và đầy đủ nội dung giấy ủy quyền lập ngày 20/6/2016 tại VPCC M.L. Nếu tôi không hoàn thành công việc theo nội dung giấy ủy quyền tôi cam kết trả lại ông Đ 80% số tiền hôm nay tôi đã nhận".* Theo giấy ủy quyền ngày 20/6/2016 (bên ủy quyền là ông Đ, bà Nh, anh T, bên nhận ủy quyền là ông L, anh Th) nội dung ủy quyền *"...Bằng giấy này bên A đồng ý ủy quyền cho bên B toàn quyền thay mặt chúng tôi làm việc với Ngân hàng Nông ngiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện BQ và cơ quan Công an liên quan đến hợp đồng thế chấp bảo lãnh tài sản tại Ngân hàng theo thông báo số 215/TB-THTS ngày 10/6/2016 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện BQ..."*. Theo

thông báo số 215/TB-THTS ngày 10/6/2016 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện BQ về việc thu giữ tài sản bảo đảm của gia đình ông Đ có thông báo đúng 9h 00 phút ngày 21/6/2016 ông Đ phải có mặt tại nơi có tài sản thế chấp để giao tài sản thế chấp bảo đảm cho Ngân hàng để Ngân hàng thực hiện thu giữ và phát mại thu hồi nợ theo quy định. Thực tế ông L không đến làm việc theo giấy ủy quyền ngày 20/6/2016 của ông Đ, bà Nh và anh T. Tuy nhiên ông Đ, bà Nh và anh T cũng không có ý kiến gì. Đến ngày 27/10/2016 ông Đ lại giao tiền cho ông L để ông L thực hiện nội dung đã ủy quyền từ ngày 20/6/2016, việc giao tiền này của ông Đ là hoàn toàn tự nguyện được ông Đ thừa nhận. Ông L xác định có việc thỏa thuận miệng bổ sung giữa ông với ông Đ về nội dung ủy quyền là ông L thực hiện quyền khiếu nại tại Ngân hàng về việc Ngân hàng ra thông báo thu giữ tài sản thế chấp không đúng quy luật. Mặc dù ông Đ không thừa nhận nội dung thỏa thuận bổ sung như ông L trình bày, song sau khi nhận tiền của ông Đ ngày 31/10/2016 ông L đã làm đơn khiếu nại hành vi hành chính của Giám đốc Agribank Chi nhánh huyện BQ mang tên ông Đ, bà Nh và anh T. Ông Đ, bà Nh và anh T đều ký vào đơn khiếu nại này và yêu cầu Giám đốc Ngân hàng phải thụ lý giải quyết đơn khiếu nại theo quy định, yêu cầu Ngân hàng cho Công ty TNHH S.H trả tiền gốc còn nợ (BL176). Đến ngày 22/11/2016 Agribank Chi nhánh huyện BQ đã có văn bản số 382/NHNo-BC trả lời khiếu nại gửi ông Đ, Nho, anh T là bên thế chấp, bảo đảm tài sản và anh Kiều Xuân Th và ông L là người được ủy quyền, nội dung trả lời "…*Không nhất trí với các nội dung khiếu nại trong đơn khiếu nại ngày 31/10/2016"*. Như vậy có căn cứ xác định việc ủy quyền tại giấy ủy quyền ngày 20/6/2016 cho cả quá trình giải quyết các nội dung liên quan đến tài sản thế chấp bảo đảm chứ không chỉ có nội dung làm việc ngày 21/6/2016.

Trong giấy giao tiền giữa ông Đ và ông L ngày 27/10/2016 thỏa thuận về trả thù lao có nội dung "… *Nếu tôi không hoàn thành công việc theo nội dung giấy ủy quyền tôi cam kết trả lại ông Đ 80% số tiền hôm nay tôi đã nhận…"* tuy nhiên hai bên không thỏa thuận cụ thể công việc ông L phải hoàn thành. Sau khi Ngân hàng không chấp nhận nội dung khiếu nại tại văn bản số 382/NHNo ngày 22/11/2016(BL 195) ông Đ, bà Nh và anh T cũng không có ý kiến gì về nội dung thực hiện ủy quyền của ông L, anh Th. Ông Đ cũng không có ý kiến gì về kết quả hoàn thành của nội dung ủy quyền nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Kiều Xuân Đ về việc buộc ông L phải trả lại số tiền 220.000.000 đồng tại giấy giao tiền ngày 27/10/2016.

Theo Giấy biên nhận ngày 01/8/2017, nội dung: "… *Tôi Nguyễn Trung L có nhận của ông Đ số tiền 150 triệu là tiền thù lao cho riêng tôi để thực hiện nội dung giấy ủy quyền lập ngày 01/8/2017 tại VPCC M.L. Nếu tôi không T hiện đúng, đầy đủ nội dung giấy ủy quyền trên tôi cam kết trả lại ông Đ 80% số tiền hôm nay đã nhận"*; và phần ghi tiếp vào giấy biên nhận ngày 01/8/2017 nội dung ghi: "…*Hôm nay ngày 07/2/2018, tôi Nguyễn Trung L có nhận của ông Đ số tiền là 150 triệu. Đây là số tiền thù lao cho riêng tôi để tôi thực hiện nội dung giấy ủy quyền lập ngày 01/8/2017 tại VPCC M.L. Nếu tôi không T hiện đúng, đầy đủ nội dung giấy ủy quyền trên tôi cam kết trả lại ông Đ 80% số tiền hôm nay đã nhận"*.

Hội đồng xét xử thấy: Ngày 01/8/2017 giữa bên ủy quyền là Công ty TNHH S.H, đại diện là ông Đ, bên nhận ủy quyền là ông L có lập hai giấy ủy quyền với nội dung khác nhau: Giấy ủy quyền ngày 01/8/2017 (bên ủy quyền là Công ty TNHH S.H, đại diện là ông Đ, bên nhận ủy quyền là ông L), nội dung ủy quyền "*…Tôi Kiều Xuân Đ, bằng giấy ủy quyền này tôi đồng ý ủy quyền cho ông Nguyễn Trung L làm việc với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam-chi nhánh huyện BQ theo giấy mời số 175/GM-NHNo ngày 18/5/2017 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện BQ với nội dung trong bảng kê tổng hợp tạm tính lãi đến ngày 31/10/2016 của Công ty TNHH S.H, địa chỉ thị trấn VQ, huyện BQ, tỉnh Hà Giang ...*" có số công chứng 286 quyển số 1 và giấy ủy quyền ngày 01/8/2017 (bên ủy quyền là Công ty TNHH S.H, đại diện là ông Đ, bên nhận ủy quyền là ông L, nội dung ủy quyền "*…Tôi Kiều Xuân Đ, bằng giấy ủy quyền này tôi đồng ý ủy quyền cho ông Nguyễn Trung L khởi kiện quyền dân sự tại Tòa án nhân dân huyện BQ, tỉnh Hà Giang đối với Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện BQ, tỉnh Hà Giang…" số công chứng 287 quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD.*

Mặc dù nội dung ủy quyền trong giấy ủy quyền số công chứng 287 có ghi ông Kiều Xuân Đ ủy quyền cho ông Nguyễn Trung L khởi kiện quyền dân sự tại Tòa án nhân dân huyện BQ, tỉnh Hà Giang đối với Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện BQ, tỉnh Hà Giang, nội dung ủy quyền không cụ thể những việc cần thực hiện. Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu do các đương sự xuất trình trong quá trình giải quyết vụ án thì ngày 17/8/2017 Công ty TNHH S.H, người đại diện theo pháp luật là ông Kiều Xuân Đ, người đại diện theo ủy quyền của giám đốc là ông Nguyễn Trung L đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện BQ đối với Agribank chi nhánh huyện BQ, ông L là người nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo. Tòa án nhân dân huyện BQ, tỉnh Hà Giang đã thụ lý giải quyết vụ án theo quy định, quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện BQ xác định ông Nguyễn Trung L là người đại diện theo ủy quyền của ông Kiều Xuân Đ - giám đốc Công ty TNHH S.H, ông Đ và ông L đều có mặt trong các buổi làm việc tại Tòa án (BL138-162). Trong quá trình Tòa án đang giải quyết vụ án, ngày 07/02/2018 ông Đ tiếp tục giao cho ông L số tiền 150.000.000 đồng tại nhà ông Đ, khi nhận tiền ông L vẫn viết tiếp nội dung nhận tiền vào giấy nhận tiền ngày 01/8/2017. Trong giấy giao tiền giữa ông Đ và ông L ngày 01/8/2017 và nội dung giao tiền ngày 07/02/2018 cùng trong giấy giao tiền ngày 01/8/2017 thỏa thuận về trả thù lao có nội dung "… *Nếu tôi không hoàn thành công việc theo nội dung giấy ủy quyền tôi cam kết trả lại ông Đ 80% số tiền hôm nay tôi đã nhận…"* tuy hai bên không xuất trình được tài liệu chứng cứ thể hiện nội dung ủy quyền ông L phải hoàn thành. Hội đồng xét xử thấy quá trình Tòa án nhân dân huyện BQ giải quyết vụ án đều thể hiện ông Đ có mặt tham gia tố tụng cùng với ông L, các bên đã thống nhất thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án cụ thể nội dung thống nhất tại biên bản hòa giải thành ngày 09/02/2018. Trên cơ sở kết quả hòa giải thành, ngày 21/02/2018 TAND huyện BQ đã ra quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự số 01/2018/QĐST-KDTM. Theo quyết định này thì Công ty TNHH S.H có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 250.000 đồng và tiền nợ lãi là 1.580.969.678 đồng,

được giảm số tiền lãi là 2.929.490.413 đồng. Như vậy ông Đ đã chấp nhận toàn bộ kết quả giải quyết nội dung vụ án mà ông đã ủy quyền cho ông L tham gia. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Kiều Xuân Đ về việc buộc ông L phải trả lại số tiền 300.000.000 đồng tại giấy giao tiền ngày 01/8/2017 và ngày 07/02/2018.

Đối với kháng cáo của bà bà Vũ Thị Nh, ông Kiều Xuân Th và Kiều Xuân T cho rằng số tiền 520.000.000 đồng ông Đ đã giao cho ông L là tiền của cả gia đình trong đó có bà Vũ Thị Nh, ông Kiều Xuân Th và Kiều Xuân T. Bà Nh, anh Th, anh T kháng cáo đề nghị Cấp phúc thẩm xem xét lại bản án buộc ông L trả lại cho gia đình các ông, bà thông qua ông Kiều Xuân Đ. Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đưa ra căn cứ chứng minh số tiền ông L giao cho ông L là của các ông bà, bản thân ông Đ cũng xác nhận trong quá trình giải quyết vụ án số tiền ông đưa cho ông L là số tiền của cá nhân ông. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị Nh, ông Kiều Xuân Th và Kiều Xuân T.

Từ những phân tích trên thấy rằng không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Kiều Xuân Đ bà Vũ Thị Nh, ông Kiều Xuân Th và Kiều Xuân T. Cần giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không Đ chấp nhận nguyên đơn ông Kiều Xuân Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm, đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Nh phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn án phí dân sự phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Kiều Xuân Th, ông Kiều Xuân T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 3 Điều 289; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 562; 563, 565, 566, 567, 568 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo về việc hủy án sơ thẩm số 50/2021/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố TQ.

2. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Kiều Xuân Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Nh, ông Kiều Xuân Th, ông Kiều Xuân T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 50/2021/DS-ST, ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang như sau:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Kiều Xuân Đ, về việc yêu cầu ông Nguyễn Trung L hoàn trả khoản tiền 520.000.000đ *(Năm trăm hai mươi triệu đồng)* và tiền lãi phát sinh cho đến khi xét xử.

Về án phí sơ thẩm: Miễn nộp tiền án phí dân sự có giá ngạch đối với ông Kiều Xuân Đ. Ông Nguyễn Trung L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm cho ông Kiều Xuân Đ, bà Vũ Thị Nh. Ông Kiều Xuân T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được từ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Biên lai tạm thu số 0001119, ngày 30/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang. Ông Kiều Xuân Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được từ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Biên lai tạm thu số 0001120, ngày 30/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TQ, tỉnh Tuyên Quang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (27/8/2021).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội ;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang ;
- TAND tp TQ;
- CC THA DS tp TQ;
- Các đương sự;
- Lưu VPTA(HCTP);
- Lưu HS vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Hà